TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35** /2023/DS-ST
Ngày: 28.04.2023
V/v "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Đặng Ngọc Kinh Luân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Sanh**

2. Ông **Huỳnh Thanh Trà**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thị Thùy Trâm** - Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Quỳnh Trang** – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 04 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị B** – Sinh năm 1959. Địa chỉ: Tổ 25 Q.T, phường H.K.B, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành Đá. Địa chỉ: 574/11 đường Trưng Nữ Vương, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.(Theo ủy quyền số : ngày 12/12/2022). Có mặt

* *Bị đơn:* Bà **Trần Huỳnh Thy D**– Sinh năm 1989. Địa chỉ: Căn hộ 905 – Tầng 9, số 38 đường N.C.T, phường T. Th, quận H.C, thành phố Đà Nẵng.(vắng mặt)

**Người có quyền nghĩa vụ liên quan:* bà Huỳnh Thị Đ. Địa chỉ: Căn hộ 905 – Tầng 9, số 38 đường N.C.T, phường T. Th, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.(vắng mặt)

**Người làm chứng:* Ông Sầu Ngọc H– Sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ 25 Q. T, phường H.K.B, quận L.C, thành phố Đà Nẵng, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Bà Huỳnh Thị B trình bày:

Bà Trần Huỳnh Thy D gọi bà Huỳnh Thị B bằng dì, bà D muốn vay tiền của bà B để kinh doanh và hẹn sẽ trả lại sau 03 tháng kể từ ngày mượn tiền. Vào ngày 18 và ngày 22/4/2022 bà B có cho bà D mượn tổng số tiền 700.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) theo Giấy mượn tiền ngày 18 và ngày 22/4/2022, người viết giấy mượn tiền là bà Huỳnh Thị Đ là mẹ của bà D và là em của bà B . Tuy nhiên, sau 3 tháng thì bà D không trả tiền, mặc dù bà B đã nhiều lần đôn đốc về vấn đề trả nợ nhưng nhưng bà D vẫn hứa hẹn và không chịu trả. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình bà B yêu cầu Tòa án buộc bà D phải trả lại số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh được căn cứ theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 để làm căn cứ xác định thì lãi suất được áp dụng bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015, tức là mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày nộp Đơn khởi kiện cho đến khi có Quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Trần Huỳnh Thy D tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng bà D đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến nên không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Kết quả xác minh tại địa phương, bà Trần Huỳnh Thy D còn sinh sống tại địa chỉ Căn hộ 905 – Tầng 9, số 38 đường N.C.T, phường T. Th, quận

Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn là bà Trần Huỳnh Thy D, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với bà Ba nên căn cứ vào các Điều 357, 463, 468 BLDS năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B, buộc bà Trần Huỳnh Thy D phải thanh toán số tiền còn nợ bà B tổng số tiền tính từ ngày khởi kiện đến ngày 28/4/2023 tổng cộng 05 tháng 11 ngày tương ứng với số tiền lãi là 31.305.549 đồng. Trong đó nợ gốc là 700.000.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán 10%/năm là 31.305.549 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là bà Trần Huỳnh Thy D có nơi cư trú tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng nên vụ án do Tòa án nhân quận Hải Châu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Trần Huỳnh Thy D, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Đ đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Trần Huỳnh Thy D.

[2] Về nội dung :

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B đối với bà Trần Huỳnh Thy D cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy: Nội dung giấy mượn tiền hoàn toàn không có chữ ký xác nhận của bà D, chỉ có bà Huỳnh Thị Đ là người viết và nhận tiền thay con gái. Nội dung giấy mượn tiền cũng không có thỏa thuận về thời gian trả nợ là 03 tháng như bà B trình bày. Tuy nhiên, căn cứ vào nội dung các tin nhắn của bà D gửi cho bà B vào các ngày 11/11/2022 và 17/11/2022 thể hiện rõ việc tính từ thời điểm nhận nợ là tháng 4/2022 đến thời điểm bà D nhắn tin xin bà B vì khó khăn kinh doanh nên chưa trả được nợ là tháng 11/2022 đã là 07 tháng, chứng cứ này cũng thể hiện việc bà D là người mượn tiền của bà Ba chứ không phải bà Huỳnh Thị Đ. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, bà D và bà Đ mặc dù đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản hồi về việc yêu cầu khởi kiện của bà B cho thấy bà D không phủ nhận việc nhờ bà Đ viết giấy và nhận tiền thay cho bà.

Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở xác nhận Giấy mượn tiền ngày 22/4/2022 thể hiện giữa bà B và bà D có xác lập giao dịch vay số tiền 700.000.000 đồng vào các ngày 18/4/2022 và 22/4/2022. Các bên không thỏa thuận về thời hạn vay và lãi suất nên xác định giao dịch dân sự giữa bà B và bà D là hợp đồng vay tài sản không lãi, không kỳ hạn quy định tại Điều 469 BLDS năm 2015. Xét thấy, quá trình thực hiện giao dịch vay tiền trên, bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của bà B về việc hoàn trả số tiền gốc 700.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu lãi chậm thanh toán từ thời điểm khởi kiện đến thời điểm xét xử với mức lãi suất bà B yêu cầu là 10%/năm thì thấy, tại Giấy mượn tiền ngày 22/4/2022 các bên không có thỏa thuận về lãi suất Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 BLDS 2015 thì: “Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”. Do đó, mức yêu cầu tính lãi là 10%/năm trên số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng kể từ ngày khởi kiện (ngày 17/11/2022) cho đến thời điểm xét xử (ngày 28/4/2023),

tổng cộng là 05 tháng 11 ngày, tương ứng số tiền lãi là 31.305.549 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, cần căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 BLDS 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B, buộc bà Trần Huỳnh Thy D phải thanh toán cho bà B số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ khi khởi kiện đến ngày Tòa án xét xử là 31.305.549 đồng. Tuyên buộc bà D phải thanh toán tổng số tiền nợ cho bà B là 731.305.549 đồng.

[3] Về án phí:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 33.252.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 117, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Huỳnh Thị B** đối với bà **Trần Huỳnh Thy D.**

Xử: Buộc bà Trần Huỳnh Thy D phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị B tổng số tiền tính từ ngày khởi kiện đến ngày 28/4/2023 số tiền 731.305.549 đồng. Trong đó nợ gốc là 700.000.000 đồng, tiền lãi là 31.305.549 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 32.252.000 đồng đồng bà Trần Huỳnh Thy D phải chịu, hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị B số tiền 16.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0006934 ngày 28/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Ngọc Kinh Luân